

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

CUỘC THI TÌM HIỂU VỀ “ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH; ĐẢNG BỘ TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM”

(Kèm theo Kế hoạch số 1546-KH/ĐU ngày 05/11/2024 của Đảng ủy Tổng Công ty)

I. Câu hỏi 1. Đồng chí cho biết Đảng cộng sản Việt Nam từ khi ra đời đến nay đã qua bao nhiêu kỳ đại hội, nêu ngày tháng năm của từng kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, số đại biểu tham dự. Quan điểm kinh tế thị trường được Đảng đề cập đã qua bao nhiêu kỳ Đại hội, nội dung chủ yếu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng đã trải qua 13 kỳ Đại hội. Mỗi kỳ Đại hội Đảng gắn với bối cảnh trong nước và quốc tế khác nhau, những nhiệm vụ chính trị khác nhau nhưng đều là những dấu mốc quan trọng về sự phát triển của Đảng, của đất nước. Thực tiễn cách mạng đã khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc:

- Đại hội lần thứ nhất:

+ Thời gian: từ 27/03 đến 31/3/1935.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 13 đồng chí.

- Đại hội lần thứ II:

+ Thời gian: từ 11/02 đến 19/2/1951.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 158 đồng chí

- Đại hội lần thứ III:

+ Thời gian: từ 05/9 đến 10/9/1960.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 525 đồng chí

- Đại hội lần thứ IV:

+ Thời gian: từ 14/02 đến 20/02/1976.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.008 đồng chí

- Đại hội lần thứ V:

+ Thời gian: từ 27/03 đến 31/03/1982.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.033 đồng chí

- Đại hội lần thứ VI:

+ Thời gian: từ 15/12 đến 18/12/1986.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.129 đồng chí

- Đại hội lần thứ VII:

+ Thời gian: từ 24/06 đến 27/06/1991.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.176 đồng chí

- Đại hội lần thứ VIII:

+ Thời gian: từ 28/6 đến 01/7/1996.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.198 đồng chí

- Đại hội lần thứ IX:

+ Thời gian: từ 19/04 đến 22/04/2001.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.168 đồng chí

- Đại hội lần thứ X:

+ Thời gian: từ 18/04 đến 25/04/2006.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.176 đồng chí

- Đại hội lần thứ XI:

+ Thời gian: từ 12/01 đến 19/01/2011.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.377 đồng chí

- Đại hội lần thứ XII:

+ Thời gian: từ 20/01 đến 28/01/2016.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.510 đồng chí

- *Đại hội lần thứ XIII:*

+ Thời gian: từ 26/01 đến 01/02/2021.

+ Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 1.587 đồng chí

2. Quan điểm kinh tế thị trường được Đảng đề cập đã qua các kỳ Đại hội, nội dung chủ yếu:

Quá trình đổi mới nền kinh tế ở nước ta có đặc điểm nổi bật là chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc chuyển đổi sang mô hình kinh tế mới đã đem lại những biến đổi sâu sắc, toàn diện, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế – xã hội.

Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức ngày càng đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; từng bước khắc phục một số quan niệm đơn giản trước đây như không thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế hoặc đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản... Thực tế, về quá trình nhận thức của Đảng đã từng bước hoàn thiện quan niệm về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và vai trò của các thành phần kinh tế ở nước ta.

- Trước Đại hội VI của Đảng, chế độ sở hữu với nhiều hình thức sở hữu đan xen, hỗn hợp và nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh khác nhau không được thừa nhận ở nước ta. Chế độ sở hữu được quy về hai hình thức chính là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Các hình thức sở hữu toàn dân, tập thể và các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển, còn các hình thức sở hữu và thành phần kinh tế khác như kinh tế cá thể, tiểu chủ, ... là đối tượng cải tạo, phải thu hẹp dần và tiến tới bị thủ tiêu, xóa bỏ.

- Đến Đại hội VI, quan điểm nói trên đã được thay đổi một cách căn bản, khi Đảng xác định quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn ở nước ta là quá trình chuyển hóa từ nền kinh tế còn nhiều tính chất tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hóa. Có thể nói, đây là điểm đột phá trong lý luận về mô hình phát triển. Bởi trước đó, trong các văn kiện chỉ mới nói tới việc sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, thì nay đã khẳng định là chuyển nền kinh tế tự cung, tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Qua các kỳ Đại hội VII, VIII, IX và X, Đảng đã hoàn thiện quan niệm về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Cụ thể:

+ Trên cơ sở chế độ sở hữu toàn dân, tập thể và tư nhân, hình thành nhiều hình thức sở hữu: sở hữu nhà nước; sở hữu tập thể; sở hữu tư nhân; sở hữu hỗn hợp và sở hữu nhà đầu tư nước ngoài.

+ Các thành phần kinh tế bao gồm: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế này có các hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng với sự đan xen, hỗn hợp của các loại hình sở hữu.

Trên cơ sở đổi mới quan niệm về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, tại các Đại hội VI, VII, VIII, IX và X, Đảng đều chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

Đại hội X đã chỉ rõ: Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và “các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”. Khẳng định của Đảng tại Đại hội X: “Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”.

Đại hội XI của Đảng có những khái quát mới về lý luận “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối”. Đây là bước phát triển mới trong nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và được nêu cụ thể: “Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển”

Đại hội XII của Đảng đã chỉ ra những nội hàm cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường”. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là

một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật...

Đến Đại hội XIII, trong định hướng phát triển, Đảng ta xác định hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... Trên cơ sở nghiên cứu lý luận phát triển kinh tế và tổng kết thực tiễn quá trình đổi mới của đất nước, Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra những nội hàm cơ bản về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như sau:

“Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội”

Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung, phát triển một số quan điểm mới về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:

Một là, Đại hội XIII tiếp tục thống nhất và nâng cao nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở nêu rõ ngay từ đầu nội hàm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta, đã nhấn mạnh những nội dung quan trọng của nội hàm này. Trong đó, vai trò, vị trí, chức năng của các thành phần kinh tế được xác định rõ hơn:

(1) Kinh tế nhà nước được khẳng định là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường. Đây là chức năng quan trọng của kinh tế nhà nước, đồng thời cũng là đặc điểm, đặc trưng khác biệt, tiên bộ của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(2) Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

(3) Kinh tế tư nhân được khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế và được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm,

nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hỗ trợ thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao.

(4) Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Hai là, nêu rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Điểm mới nổi bật chính là trong mối quan hệ này bổ sung thêm nhân tố xã hội. Trong đó cũng nêu rõ vai trò của Nhà nước, thị trường và xã hội trong mối quan hệ chung. Nhà nước thực hiện chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng chuyển giao những công việc Nhà nước không nhất thiết phải làm cho các tổ chức xã hội. Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong thực thi pháp luật, công vụ.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường nói chung, tập trung vào tháo gỡ những điểm nghẽn đang cản trở sự phát triển kinh tế thị trường của nước ta và nâng cao chất lượng thể chế. Cụ thể là hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia, xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Đáp ứng yêu cầu phát triển mới, đặc biệt là tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhiều ngành nghề mới ra đời cần phải có môi trường pháp lý bảo đảm cho sự phát triển.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch. Phần đầu đến năm 2030, môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp trong nhóm 30 quốc gia hàng đầu. Văn kiện Đại hội XIII đề cập nội dung hoàn thiện thể chế để tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản của kinh tế thị trường, như: thể chế xây dựng và hoàn thiện pháp luật, thể chế hình thành thị trường các yếu tố thị trường, các loại thị trường, thể chế thúc đẩy phát triển doanh nghiệp... nhằm đạt mục tiêu quan trọng là nâng cao chất lượng thể chế.

Bốn là, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. Điểm mới nổi bật ở nội dung này là xác định rõ mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Thực tiễn 35 năm đổi mới đã khẳng định mở cửa, hội nhập quốc tế, trong đó, hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần quan trọng vào những

thành tựu to lớn mà đất nước đã đạt được. Mặt khác, chính mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng đã tạo ra áp lực để Việt Nam đổi mới thành công. Đồng thời, quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế đã đặt ra yêu cầu cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, qua các cuộc khủng hoảng hoặc những biến động của thế giới đã cho thấy, để hội nhập thành công phải có nội lực mạnh, đồng thời phải đa phương hóa, đa dạng hóa các đối tác, các thị trường để tránh những rủi ro và lệ thuộc. Vì vậy, phải nâng cao năng lực nội tại nền kinh tế quốc dân mới có thể hội nhập thành công, tránh lệ thuộc vào một đối tác, một thị trường.

Có thể nói, từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến Đại hội Đảng lần thứ XIII, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng được hoàn thiện và được chứng minh tính đúng đắn trên thực tế khi đã đưa nước ta thoát khỏi thời kỳ khó khăn về kinh tế, đạt tốc độ tăng trưởng có lúc thuộc nhóm cao nhất thế giới. Từ nước nghèo, thu nhập thấp, Việt Nam đã gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình, hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

Theo nhận thức của Tôi thì kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ.

Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nêu trên là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới.

Câu hỏi 2: Đồng chí cho biết Mô hình tổ chức của Đảng bộ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt nam hiện nay được quy định cụ thể tại văn bản nào của Đảng và Đảng bộ Tổng Công ty hoạt động theo quy định nào của Đảng; Đảng bộ Tổng Công ty hiện có bao nhiêu tổ chức Đảng, đảng viên. Đảng bộ đã qua bao nhiêu kỳ đại hội, số lượng ủy viên BCH được bầu ở từng kỳ đại hội.

1. Đảng bộ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt nam được thành lập theo Quyết định số 109/QĐ-ĐUK ngày 14/12/1995 của Đảng ủy Khối cơ quan kinh tế Trung ương. Khi mới thành lập có tên là Đảng bộ Tổng công ty Lâm sản Việt Nam, đến năm 1998 được đổi tên thành Đảng bộ Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam.

Từ khi thành lập Đảng bộ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam trực thuộc Đảng bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Đến tháng 12/2019, Đảng bộ Tổng Công ty được chuyển giao về trực thuộc Đảng bộ Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, theo Quyết định số 2052-QĐ/ĐUK ngày 22/11/2019 của Đảng ủy Khối các cơ

quan Trung ương; Và theo Quyết định số 360-QĐ/ĐUK ngày 21/09/2021 của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Đảng bộ Tổng Công ty được chuyển giao về trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương cho đến nay.

Đảng bộ Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam hoạt động và tổ chức theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định của Đảng.

2. Đảng bộ Công ty mẹ -Tổng Công ty hiện nay có 12 chi bộ trực thuộc. Trong đó có 08 chi bộ thuộc khối cơ quan Tổng công ty và tại Công ty cổ phần; 02 chi bộ cơ sở tại Công ty cổ phần có vốn góp của Tổng Công ty; 01 chi bộ cơ sở tại đơn vị phụ thuộc và 01 chi bộ cơ sở tại Công ty liên doanh với nước ngoài. Hiện nay Đảng bộ có 152 đảng viên (trong đó 148 đảng viên chính thức và 04 đảng viên dự bị)

3. Đảng bộ đã qua 07 kỳ đại hội, số lượng ủy viên BCH được bầu ở từng kỳ đại hội như sau:

-Đại hội lần thứ nhất:

+ Nhiệm kỳ 1996-1999.

+ Số lượng ủy viên BCH được bầu: 09 đồng chí

-Đại hội lần thứ II:

+ Nhiệm kỳ 1999-2003.

+ Số lượng ủy viên BCH được bầu: 09 đồng chí

-Đại hội lần thứ III:

+Nhiệm kỳ 2003-2007.

+ Số lượng ủy viên BCH được bầu: 09 đồng chí

- Tại Đại hội lần thứ IV:

+ Nhiệm kỳ 2007-2010.

+ Số lượng ủy viên BCH được bầu: 09 đồng chí

-Đại hội lần thứ V:

+Nhiệm kỳ 2010-2015.

+ Số lượng ủy viên BCH được bầu: 09 đồng chí

-Đại hội lần thứ VI:

+Nhiệm kỳ 2015-2020.

+ Số lượng ủy viên BCH được bầu: 09 đồng chí

-Đại hội lần thứ VII:

+Nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Số lượng ủy viên BCH được bầu: 11 đồng chí

II. Câu tự luận: Theo đồng chí để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy chi bộ nhiệm kỳ 2025-2027, chi bộ đồng chí cần quan tâm thực hiện tốt những nhiệm vụ gì; đồng chí hãy đề xuất giải pháp thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: *“Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt”*. Từ đó, cho chúng ta thấy rằng đảng viên là nhân tố cơ bản nhất, năng động nhất của tổ chức đảng. Vai trò của tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, là “sợi dây chuyền để liên hệ Đảng với quần chúng”. Do đó, nhiệm vụ xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu cao và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong tình hình hiện nay rất quan trọng và cấp thiết để xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh toàn diện, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, các nhiệm vụ chính trị và xây dựng phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đưa ra phương hướng: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng”*.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027, theo quan điểm của tôi, chi bộ cần quan tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Về công tác xây dựng Đảng

1.1. Công tác chính trị, tư tưởng.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đảng ủy các cấp. Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục, chính trị bồi dưỡng Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ đảng viên, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Tăng cường và phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên trong toàn Chi bộ, trong đó mỗi đảng viên phải là một tấm gương về tính tiên phong, mẫu mực trong thực tiễn hoạt động.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cho các đảng viên trong Chi bộ bằng rèn luyện đạo đức, phẩm chất người Cộng sản, thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng các cấp, gìn giữ sự đoàn kết nhất trí trong Chi bộ.

1.2. Công tác tổ chức cán bộ, xây dựng Đảng, đảng viên:

- Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt Chi bộ, chuẩn bị tốt nội dung sinh hoạt phong phú và chất lượng hơn, bám sát theo thực tiễn nhiệm vụ chính của Chi bộ.

- Tăng cường lãnh đạo công tác nắm tình hình chính trị nội bộ, phát hiện kịp thời xử lý, ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, giữ gìn tình hình nội bộ Tổng công ty luôn được ổn định và thống nhất.

- Thực hiện tốt công tác quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên, Quy định 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính Trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và nhân dân nơi cư trú và quy định những điều đảng viên không được làm theo Điều lệ Đảng.

- Tiếp tục kèm cặp, giúp đỡ các quần chúng ưu tú của về tư tưởng, nhận thức về Đảng cả về chuyên môn nghiệp vụ để khi đủ điều kiện đề nghị lên Đảng ủy Tổng Công ty xét kết nạp. Tăng cường việc đóng góp ý kiến của Đảng viên trong Chi bộ và giới thiệu đoàn viên, quần chúng ưu tú cho Đảng.

1.3. Về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng:

Tiếp tục nâng cao tinh thần tự kiểm tra và tăng cường công tác giám sát Đảng viên trong việc chấp hành nghiêm các quy định của Điều lệ Đảng.

1.4. Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tiếp tục quán triệt các cán bộ, đảng viên và người lao động trong chi bộ thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đảng. Quyết liệt đấu tranh, ngăn chặn phòng chống tham nhũng, lãng phí và vi phạm Điều lệ Đảng.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

- Tập trung chỉ đạo 04 tổ đảng (Tổ đảng KTTC, ĐTTC, PC&KSNB, Ban TL-TK) của Chi bộ thực hiện nhiệm vụ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty: Thực hiện tốt việc tham mưu cho lãnh đạo trong công tác kế toán tài chính, đầu tư tài chính và công tác pháp chế và kiểm soát nội bộ của Tổng công ty; chỉ đạo sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thành viên để góp phần ổn định và phát triển Tổng công ty

- Cử quần chúng ưu tú tham gia lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng khi có đợt của Đảng ủy cấp trên tổ chức; Chuyển Đảng chính thức cho đảng viên dự bị theo đúng thời gian quy định.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027, theo quan điểm của tôi, cấp ủy chi bộ cần quan tâm thực hiện những giải pháp sau:

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trí tuệ, phẩm chất đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật, thực sự tiên phong gương mẫu, đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có giải pháp nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, tính chiến đấu của chi bộ và đội ngũ đảng viên; kiên định chủ nghĩa Mac-Lênin, tư

tướng Hồ Chí Minh. Chủ động dự báo được tình hình để kịp thời trang bị những thông tin cần thiết, có định hướng của Đảng cho cán bộ, đảng viên. Đổi mới, nâng cao chất lượng kỹ năng lãnh đạo, quản lý và kỹ năng giải quyết những tình huống cụ thể xảy ra ở cấp ủy chi bộ. Chủ động khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng; chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, vụ lợi, trung bình chủ nghĩa. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh kiên quyết chống các quan điểm sai trái, những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, phản động, góp phần làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

2. Hoàn thiện mô hình tổ chức đối với các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng gắn tổ chức cơ sở đảng với lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

Lãnh đạo xây dựng các tổ đảng phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng ban. Qua đó sắp xếp kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng sau khi kiện toàn sắp xếp về mặt chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cấp ủy viên, đặc biệt là người đứng đầu cấp ủy phải đủ bản lĩnh chính trị, năng lực, khả năng lãnh đạo, điều hành hoạt động của tổ chức đảng. Thực hiện tốt công tác thẩm tra, xác minh về tiêu chuẩn chính trị đối với người tham gia vào cấp ủy.

Ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ, cấp ủy xây dựng Nghị quyết, đề ra nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện và được cụ thể hoá thành kế hoạch hằng năm để tổ chức thực hiện. Thường xuyên quan tâm bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ đảng viên.

3. Nâng cao chất lượng, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ cương, kỷ luật; khắc phục tính hình thức, đơn điệu trong sinh hoạt, bảo đảm tính lãnh đạo, tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.

Tập trung lãnh đạo củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, giữ nghiêm kỷ luật, tăng cường đoàn kết trong Đảng. Thường xuyên giáo dục, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ, kiến thức và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Việc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng cần tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, thiết thực, gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khoá XI, XII, XIII) và việc học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; kịp thời phát hiện và nêu gương những đảng viên tiên phong gương mẫu, có thành tích xuất sắc và giáo dục, giúp đỡ những đảng viên có sai phạm, uy tín thấp. Thi hành kỷ luật nghiêm minh

đối với đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ cấp ủy chi bộ về kỹ năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên; về biện pháp quy tụ, tập hợp quần chúng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị ở cơ sở để thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

4. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, quản lý đảng viên; dựa vào dân để xây dựng Đảng

Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, giám sát của Đảng theo chương trình công tác hàng năm; Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị “*về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm*”; Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2011 của Ban Chấp hành Trung ương “*về những điều đảng viên không được làm*”. Cấp ủy chi bộ phải giám sát đảng viên về các mặt, kể cả đảng viên là cán bộ do cấp ủy cấp trên quản lý. Kịp thời xử lý, kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “*Sức mạnh vô địch của Đảng là ở tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên*”. Do đó, để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy chi bộ nhiệm kỳ 2025 - 2027 mỗi cán bộ, đảng viên cần phải chấp hành nghiêm quy chế, quy định, Điều lệ của Đảng và pháp luật của Nhà nước.